

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/DS-ST
Ngày 10 - 6 - 2019
“V/v tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 07 và 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đoi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tiết Bửu Đ, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng U – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tiết Bửu Đ trình bày:

Từ năm 2015 ă đến năm 2016 ăl, ông có tham gia hui do bà Huỳnh Thị T làm chủ

hụi cụ thể từng dây hụi ông tham gia như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 16/02/2016 âl, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi có 35 chung, ông tham gia 01 chung, trong thời gian tham gia ông đóng được 31 lần đến lần thứ 32 (ngày 16/8/2018) ông đến bỏ hụi thì bà T không cho với lý do cho rằng ông Th là con của ông có thiếu nợ bà T nên bà T đã hốt hụi của ông để trừ nợ cho ông Th. Như vậy, đối với chung hụi này ông đã đóng được 31 lần x 01 chung = 31.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 29/10/2015 âl, hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần, hụi có 40 chung, ông tham gia 02 chung, trong thời gian tham gia ông đóng được 35 lần đến lần thứ 36 (ngày 29/8/2018) ông đến bỏ hụi thì bà T không cho với lý do cho rằng ông Th là con của ông có thiếu nợ bà T nên bà T đã hốt hụi của ông để trừ nợ cho ông Th. Như vậy, đối với chung hụi này ông đã đóng được 35 lần x 02 chung = 70.000.000 đồng.

Như vậy, tổng hai dây hụi ông tham gia thì bà T còn nợ ông số tiền 101.000.000 đồng.

Từ những lý do nêu trên, nay ông Đ yêu cầu bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền nợ hụi là 101.000.000 đồng, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông Đ về thời gian mở hụi, loại hụi, số chung hụi ông Đ tham gia là đúng. Tuy nhiên, đối với số lần mở hụi ông Đ trình bày là không đúng mà trên thực tế đối với số lần mở hụi ông Đ tham gia như sau:

- Dây hụi mở ngày 16/02/2016 âl, hụi 1.000.000 đồng, có 35 chung, mỗi tháng khui 01 lần, ông Đ tham gia 01 chung, trong thời gian tham gia ông Đ đóng đến lần thứ 30 (ngày 16/6/2018) bằng 30.000.000 đồng (cụ thể 30 lần x 1.000.000 đồng).

- Dây hụi mở ngày 29/10/2015 âl, hụi 1.000.000 đồng, có 40 chung, mỗi tháng khui 01 lần, ông Đ tham gia 02 chung, trong thời gian tham gia ông Đ đóng đến lần thứ 34 (ngày 29/6/2018) bằng 68.000.000 đồng (cụ thể 34 lần x 1.000.000 đồng x 02 chung).

Như vậy, đối với hai dây hụi này bà chỉ có nợ ông Đ 98.000.000 đồng chứ không phải 101.000.000 đồng như ông Đ trình bày. Nay bà đồng ý trả cho ông Đ số tiền nợ hụi là 98.000.000 đồng nhưng sau khi ông Th là con của ông Đ trả lại cho bà khoản nợ ông Th đã thiếu bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện đòi lại tiền hội của ông Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và còn nợ tiền hội là thực tế có xảy ra, nhưng các đương sự trình bày chưa phù hợp nhau về số lần đóng hội cụ thể: Ông Đ xác định ông đóng được 35 lần của 02 chung hội mở ngày 29/10/2015 âm và 31 lần của 01 chung hội mở ngày 16/02/2016 âm với tổng số tiền 101.000.000 đồng; nhưng đối với bà T cho rằng ông Đ chỉ đóng được 34 lần của 02 chung hội mở ngày 29/10/2015 âm và 30 lần của 01 chung hội mở ngày 16/02/2016 âm với tổng số tiền 98.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Lời trình bày của bà T tại phiên tòa cũng như các chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, lời trình bày của bà T tại phiên tòa cũng như các chứng cứ bà T cung cấp mâu thuẫn với lời trình bày của bà T tại biên bản xác minh, biên bản hòa giải của địa phương cũng như xác nhận của ông Dương Quốc V – Trưởng ấp H. Từ đó có căn cứ xác định việc ông Đ đi bỏ hội của 02 dây hội là vào ngày 16/8/2018 và ngày 29/8/2018.

Xét về khoản tiền phải trả, đối với tổng số tiền 101.000.000 đồng của 03 chung hội ông Đ yêu cầu thì có phần tiền lãi hội, nhưng xét thấy trong quá trình giao dịch hội dẫn đến xảy ra tranh chấp là do lỗi của bà T là chủ hội không cho ông Đ là hội viên bỏ hội theo thỏa thuận; mặt khác, các dây hội này đến nay hội đã mãn, bà T là chủ hội còn ông Đ là hội viên. Theo nguyên tắc việc chơi hội giữa các đương sự thực hiện như sau “ Do các hội viên khác đã đóng đủ cho chủ hội, chủ hội chỉ thu tiền của các hội viên khác và giao lại cho người hốt, khi thực hiện nhiệm vụ này người chủ hội với vai trò là người bảo lãnh cho các bên thực hiện nghĩa vụ, nên khi các bên thực hiện nghĩa vụ xong phải hoàn lại đầy đủ, không phải điều chỉnh” và đối với tiền hội này giữa ông Đ và bà T không có tranh chấp về tiền lãi hội. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với tiền hội này là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bà T phải trả cho ông Đ tổng số tiền hội là 101.000.000 đồng

[4] Án phí: Ông Tiết Bửu Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.525.000 đồng $[(101.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2]$ (do bà T có đơn xin giảm án phí được chính quyền địa phương xác nhận và được Hội đồng xét xử xét giảm 50%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tiết Bữu Đ.

1. Buộc bà Huỳnh Thị T trả cho ông Tiết Bữu Đ số tiền hui là 101.000.000 đồng (một trăm lẻ một triệu đồng)

2. Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như bà T chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.525.000 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng); bà T chưa nộp.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đ, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng